

Bản án số: 33/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 05-12-2017

“V/v Tranh chấp ly hôn và nuôi dưỡng con chung”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN YÊN – TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Ngọc Lý

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Quốc Sửu

Ông Trần Văn Thiện

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Văn Nam

Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa:

Bà Nguyễn Thị Kim Oanh - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 12 năm 2017 tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Tân Yên tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 223/2017/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 8 năm 2017 về việc tranh chấp ly hôn và nuôi dưỡng con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 173/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 10 năm 2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Dương Thị Thu H, sinh năm 1993 (có mặt)

Nơi ĐKKHKT: thôn L, xã P, huyện T, tỉnh Bắc Giang

Địa chỉ hiện nay: thôn N, xã V, huyện T, tỉnh Bắc Giang.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn N, sinh năm 1995 (vắng mặt)

Địa chỉ: thôn L, xã P, huyện T, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện nhận ngày 24/7/2017, bản tự khai ngày 02/8/2017 và biên bản lấy lời khai ngày 18/8/2017 thì nguyên đơn là chị Dương Thị Thu H trình bày:

Chị kết hôn với anh Nguyễn Văn N ngày 15/12/2015, có đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện T, tỉnh Bắc Giang. Sau khi kết hôn, chị về ở chung với gia đình anh N. Tình cảm vợ chồng hạnh phúc đến khoảng tháng 11/2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Anh N không quan tâm, không có trách nhiệm với chị. Gia đình hai bên đã phân tích thuyết phục động viên nhiều lần nhưng anh N vẫn không thay đổi. Ngày 03/7/2017, vì sợ anh N có hành vi bạo lực với chị nên chị đã chuyển về nhà bố mẹ đẻ ở, vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị xin được ly hôn với anh N.

Về con chung: chị và anh N có 01 con chung là Nguyễn Thanh T, sinh ngày 25/11/2016 hiện đang ở với chị. Ly hôn, chị xin được tiếp tục nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh N phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

Về tài sản chung, quyền và nghĩa vụ chung về tài sản, công sức đóng góp trong thời gian ở chung, ruộng canh tác: chị không yêu cầu xem xét, giải quyết.

Tại phiên toà: chị H giữ nguyên yêu cầu xin được ly hôn, được nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con chung cùng với chị.

Bị đơn là anh Nguyễn Văn N đã được nhận thông báo thụ lý vụ án nhưng không có bản tự khai trình bày ý kiến về các yêu cầu của chị H, cũng không có mặt để lấy lời khai và tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải do Tòa án ấn định;

Tại phiên tòa: anh N vắng mặt.

Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Yên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, của Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự là đảm bảo theo quy định.

Về nội dung: đề nghị xử cho chị H được ly hôn với anh N và giao cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng con chung. Anh N không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H và buộc chị H phải chịu án phí ly hôn theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh tụng và ý kiến đề nghị của đương sự, Hội đồng xét xử thấy:

[1] Về thẩm quyền: ngày 02 tháng 8 năm 2017, Tòa án nhân dân huyện Tân Yên thụ lý vụ án theo đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn và giải quyết về con chung của chị Dương Thị Thu H với bị đơn là anh Nguyễn Văn N có địa chỉ tại thôn L, xã P, huyện T, tỉnh Bắc Giang là theo đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự;

[2] Về việc xét xử vắng mặt anh Nguyễn Văn N:

Trong quá trình thu thập chứng cứ để giải quyết vụ án, mẹ đẻ anh N là bà Trần Thị M trình bày sau khi nhận được thông báo thụ lý vụ án, anh N đã sang Trung Quốc làm ăn với người thân. Khi đi, anh N cũng không khai báo tạm vắng

và cũng không nói cho gia đình biết địa chỉ hiện anh đang ở đâu và cũng không cung cấp địa chỉ mới cho Tòa án. Tòa án đã thực hiện việc niêm yết các văn bản tố tụng, các quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa theo đúng quy định. Do vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh N là phù với quy định tại Điều 179 và điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: chị Dương Thị Thu H và anh Nguyễn Văn N kết hôn năm 2015 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 50/2015 ngày 15 tháng 12 năm 2015 của Ủy ban nhân dân xã P nên hôn nhân giữa chị H và anh N là hôn nhân hợp pháp phù hợp với quy định của pháp luật. Tháng 7 năm 2017, chị H bỏ về nhà đẻ ở và vợ chồng sống ly thân với nhau, không quan tâm không có trách nhiệm với nhau. Do không còn tình cảm vợ chồng nên chị xin được ly hôn với anh N.

Tuy anh N không có ý kiến trình bày về yêu cầu ly hôn của chị H nhưng qua xác minh thu thập đối với người thân của anh N và các tổ chức đoàn thể ở địa phương thì thấy tuy anh N không muốn ly hôn với chị H nhưng lại không có biện pháp để cải thiện tình cảm vợ chồng. Kể từ tháng 9 năm 2017, anh N đã bỏ đi làm ăn ở nơi khác nhưng cũng không cung cấp địa chỉ cụ thể cho gia đình, cho Tòa án để tiến hành hòa giải theo quy định. Xét thấy anh N và chị H đã sống ly thân với nhau, không còn quan tâm, không có trách nhiệm với nhau nên cần chấp nhận yêu cầu của chị H để xử cho chị H được ly hôn với anh N là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình;

[4] Về con chung: vợ chồng chị H, anh N có 01 con chung là Nguyễn Thanh T, sinh ngày 25/11/2016. Chị H có nguyện vọng được nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con chung với chị. Xét thấy con chung của chị H anh N mới hơn một tuổi và đang do chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Hiện chị H có công việc ổn định, có thu nhập đảm bảo cho việc nuôi dưỡng con chung nên cần chấp nhận yêu cầu của chị H để giao cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng con chung. Do chị H tự nguyện không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con chung nên không buộc anh N phải cấp dưỡng nuôi con với chị H là theo đúng quy định tại khoản 1, khoản 3 Điều 81; khoản 1, khoản 3 Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Sau khi ly hôn, anh N được quyền thăm nom con chung. Chị H và gia đình không được cản trở anh N thực hiện quyền thăm nom con chung theo quy định;

[5] Về tài sản chung, quyền và nghĩa vụ chung về tài sản, ruộng canh tác và công sức đóng góp trong thời gian ở chung: do chị H không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết;

[6] Về án phí: chị H phải chịu án phí ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[7] Về quyền kháng cáo: các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng và ý kiến về việc giải quyết vụ án là có căn cứ theo quy định của pháp luật;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Khoản 1 Điều 56; khoản 1, khoản 3 Điều 81; khoản 1, khoản 3 Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: chị Dương Thị Thu H được ly hôn với anh Nguyễn Văn N.

2. Về nuôi con chung: giao con chung Nguyễn Thanh T, sinh ngày 25/11/2016 cho chị Dương Thị Thu H tiếp tục nuôi dưỡng. Anh N không phải cấp dưỡng nuôi con chung với chị H.

Sau khi ly hôn, anh N được quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở anh N thực hiện quyền này.

3. Về án phí: chị Dương Thị Thu H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tại biên lai thu số AA/2016/0003818 ngày 12 tháng 8 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Yên.

Chị H đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày niêm yết bản án./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Tân Yên;
- Chi cục THADS huyện Tân Yên;
- UBND xã P;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA**

Lê Thị Ngọc Lý